

ĐỨC GIÊ-SU KI-TÔ VUA VŨ TRỤ – NĂM A
Our Lord Jesus Christ, King of the Universe
Matthew 25: 31-46

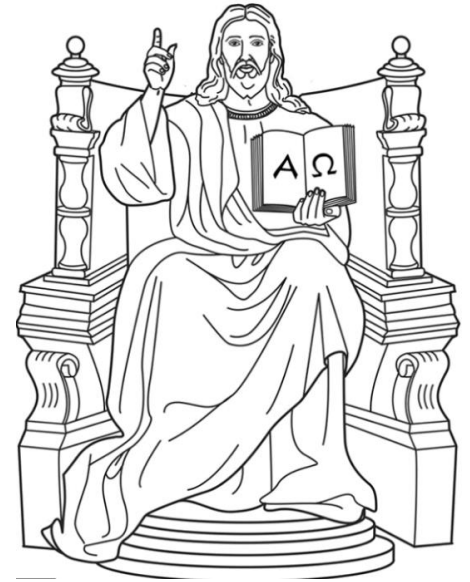
“Mỗi lần các ngươi lo cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi làm cho chính Ta vậy.” (“*Whatever you did for one of the least brothers of Mine, you did for Me.*”)

TÊN GỌI CỦA CHÚA GIÊSU:

- Vua các vua
- Chúa các chúa
- Chúa Kitô Sống Lại
- Hoàng Tử Hòa Bình
- Vua Vũ Trụ
- Đấng Cứu Chuộc Trần Gian

NAMES OF JESUS:

- King of kings
- Lord of lords
- The Risen Christ
- Prince of Peace
- King of the Universe
- Savior of the World



SÔNG THÁNH THỂ (Living the Eucharist)

1. Em tô màu hình và lời nguyện dưới đây. (*Please color the picture and the prayer below.*)

Lạy Chúa Giêsu, con yêu mến Chúa. Xin Chúa hãy làm vua của tâm hồn con, cuộc sống con, gia đình con, giáo xứ con, trường học con và nước Mỹ mà con đang sống. Amen.

2. Em đọc kinh Mười Bốn Mối. *I recite the 14 Works of Mercy.*

KINH MUỠI BỐN MỐI (THE WORKS OF MERCY)

Thương người có mười bốn mối (*14 ways to love others*):

Thương Xác Bả Mối (C corporal Works of Mercy):

Thứ nhất: cho kẻ đói ăn. (Feed the hungry).

Thứ hai: cho kẻ khát uống. (Give drink to the thirsty).

Thứ ba: cho kẻ rách rưới ăn mặc. (Clothe the naked).

Thứ bốn: viếng kẻ liệt cùng kẻ tù rạc. (Visit the sick and imprisoned).

Thứ năm: cho khách đỡ nhà. (Shelter the homeless).

Thứ sáu: chuộc kẻ làm tội (Liberate the oppressed & help the poor).

Thứ bảy: chôn xác kẻ chết. (Bury the dead).

Thương Linh Hồn Bảy Mối (Spiritual Works of Mercy):

Thứ nhất: lấy lời lành mà khuyên người. (Counsel the doubtful).

Thứ hai: mở dạy kẻ mê muội. (Instruct the ignorant).

Thứ ba: yên ủi kẻ âu lo. (Comfort the sorrowful).

Thứ bốn: răn bảo kẻ có tội. (Admonish the sinner).

Thứ năm: tha kẻ dễ (khinh) ta. (Forgive injuries).

Thứ sáu: nhịn kẻ mất lòng ta. (Bear wrongs patiently).

Thứ bảy: cầu cho kẻ sống và kẻ chết. (Pray for the living and the dead).

ĐỨC GIÊ-SU KI-TÔ VUA VŨ TRỤ – NĂM A
Our Lord Jesus Christ, King of the Universe
Matthew 25: 31-46

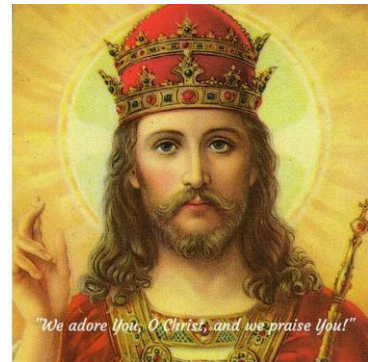
“Mỗi lần các ngươi lo cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi làm cho chính Ta vậy.”
 (“Whatever you did for one of the least brothers of Mine, you did for Me.”)

TÊN GỌI CỦA CHÚA GIÊSU:

- Vua các vua
- Chúa các chúa
- Chúa Kitô Sống Lại
- Hoàng Tử Hòa Bình
- Vua Vũ Trụ
- Đấng Cứu Chuộc Trần Gian

NAMES OF JESUS:

- King of kings
- Lord of lords
- The Risen Christ
- Prince of Peace
- King of the Universe
- Savior of the World



SỐNG THÁNH THỂ (Living the Eucharist)

1. Em hãy viết xuống 3 tên gọi của Chúa Giêsu? *Please write down 3 names of Jesus?*

2. *Write down one Corporal and one Spiritual Works of Mercy you will practice in your life.*

3. **Em đọc và nhớ kinh Mười Bốn Mỗi.** *I recite and remember the 14 Works of Mercy.*

KINH MƯỜI BỐN MỠI (THE WORKS OF MERCY)

Thương người có mười bốn mỗi (14 ways to love others):

Thương Xác Bảy Mỗi (Corporal Works of Mercy):

Thứ nhất: cho kẻ đói ăn. (*Feed the hungry*).

Thứ hai: cho kẻ khát uống. (*Give drink to the thirsty*).

Thứ ba: cho kẻ rách rưới ăn mặc. (*Clothe the naked*).

Thứ bốn: viếng kẻ liệt cùng kẻ tù rạc. (*Visit the sick and imprisoned*).

Thứ năm: cho khách đỡ nhà. (*Shelter the homeless*).

Thứ sáu: chuộc kẻ làm tội (*Liberate the oppressed & help the poor*).

Thứ bảy: chôn xác kẻ chết. (*Bury the dead*).

Thương Linh Hồn Bảy Mỗi (Spiritual Works of Mercy):

Thứ nhất: lấy lời lành mà khuyên người. (*Counsel the doubtful*).

Thứ hai: mở dạy kẻ mê muội. (*Instruct the ignorant*).

Thứ ba: yên ủi kẻ âu lo. (*Comfort the sorrowful*).

Thứ bốn: răn bảo kẻ có tội. (*Admonish the sinner*).

Thứ năm: tha kẻ dễ (khinh) ta. (*Forgive injuries*).

Thứ sáu: nhịn kẻ mất lòng ta. (*Bear wrongs patiently*).

Thứ bảy: cầu cho kẻ sống và kẻ chết. (*Pray for the living and the dead*).